

Bản án số: 29/2025/DS-PT

Ngày: 18/02/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thái Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Anh Dũng, ông Lê Minh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Mai Hân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2025/QĐ-PT, ngày 07 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐ-PT ngày 22/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Đình T, sinh năm 1968 và bà Ngô Thị C, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Số B, đường C, khu phố I, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang V, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2024).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1981 và bà Trương Thùy T1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số B, đường số F, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

*Người kháng cáo:* Ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 3 năm 2024, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C (do ông Đặng Quang V làm đại diện theo ủy quyền) trình bày: Từ chỗ quen biết nhau nên vợ chồng ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C có cho vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trương Thùy T1 vay tiền 02 lần, mục đích sử dụng tiền vay là để phát triển kinh tế trong gia đình, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 01/10/2018, vay số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, theo đó bà Trương Thùy T1 ký tên xác nhận vào giấy vay tiền.

- Lần 2: Vào ngày 24/7/2019, vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, theo đó vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trương Thùy T1 ký tên xác nhận vào giấy vay tiền.

Từ ngày vay tiền cho đến nay, vợ chồng ông D và bà T1 có trả được vài lần tiền lãi, có tháng trả, tháng không trả và không đúng theo lãi suất đã thỏa thuận. Vợ chồng ông D trả tiền lãi lần sau cùng là vào cuối tháng 9/2023. Từ tháng 10/2023 đến nay thì vợ chồng ông bà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cũng như tiền nợ gốc cho vợ chồng ông T và bà C.

Ông V đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trương Thùy T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C tổng số tiền nợ của 02 khoản vay là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2023 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất là 1,66%/tháng.

+ Tại phiên tòa, ông V khai: Chứng cứ mà bị đơn cung cấp tại phiên tòa là một tờ giấy ghi tiền nợ, thể hiện nội dung:

“Tiền 55 triệu.

Nợ lãi 1-5-2023 đến 1-3-2024

10 tháng x 1650 = 16.500.000 đồng

Tiền 70 triệu.

4 tháng x 210000 = 8.400.000 đồng

Tổng lãi: 24.900.000 đồng

Nếu trả hết tiền gốc 125 triệu thì cho tiền lãi.

- còn ra Tòa – thì – lấy – đủ.

- Trả liền tiền gốc thì

R đơn kiện”

Ông V cho rằng, nội dung tờ giấy có ghi tiền nợ như trên là do nguyên đơn bà Ngô Thị C tự viết ra tờ giấy, sau đó chụp ảnh và gửi qua hệ thống Zalo máy điện thoại của bà Trương Thùy T1. Việc bà C tự viết nội dung tờ giấy ghi tiền nợ nêu trên thì chồng bà C ông Trương Đình T không hay biết.

Ông V khẳng định chữ ký và chữ viết ghi tên Trần Văn D trong giấy mượn tiền lập ngày 24/7/2019 thì đúng là chữ ký và chữ viết của bị đơn ông Trần Văn D. Ông thống nhất việc ông D đề nghị Hội đồng xét xử cho tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết.

Tại phiên tòa ngày 23/9/2024, sau khi Hội đồng xét xử công bố Kết luận giám định số 1093/KL-KTHS ngày 20/9/2024 của Phòng K - Công an tỉnh B thì ông Đặng Quang V không có ý kiến gì và đồng ý với kết luận giám định.

Ông Đặng Quang V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trương Thùy T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C tổng số tiền nợ của 02 khoản vay là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2023 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất là 1,66%/tháng.

\* Tại bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ông Nguyễn Phương N trình bày: Do vợ chồng bị đơn ông Trần Văn D và bà Trương Thùy T1 chưa cung cấp cho ông các thông tin cần thiết cho việc giải quyết vụ án nên ông N chưa có ý kiến và yêu cầu gì.

\* Tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Thùy T1 trình bày: Bà thừa nhận bà có vay của vợ chồng ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C 02 lần với tổng số tiền là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) theo đúng như đơn khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 01/10/2018, vay số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận miêng lãi suất 3%/tháng.

- Lần 2: Ngày 24/7/2019, vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận miêng lãi suất 3%/tháng.

Sau khi vay thì bà đã trả tiền lãi đầy đủ đến hết tháng 4/2023, theo mức lãi suất thỏa thuận 3%/tháng đối với từng khoản vay cho vợ chồng ông T, bà C. Việc bà vay tiền thì chồng bà ông Trần Văn D không hề hay biết. Bà sử dụng số tiền vay được vào mục đích tiêu xài cá nhân. Khi vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) vào ngày 24/7/2019 thì chỉ có một mình bà ghi giấy mượn tiền và ký tên, không có mặt chồng bà là ông Trần Văn D nên bà khẳng định chữ ký và chữ viết ghi tên Trần Văn D trong giấy mượn tiền lập ngày 24/7/2019 thì không phải là chữ ký và chữ viết của ông Trần Văn D.

Nay bà T1 đồng ý trả số tiền nợ vay 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) cho nguyên đơn ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C. Tuy nhiên, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tiền lãi đã trả, vì lãi suất hai bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định của pháp luật.

\* Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn D trình bày: Việc vay mượn tiền giữa bà Trương Thùy T1 (vợ ông D) với vợ chồng ông Trương Đình T và bà

Ngô Thị C thì ông hoàn toàn không hay biết gì. Về chữ ký và chữ viết ghi tên Trần Văn D trong giấy mượn tiền lập ngày 24/7/2019 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án khi khởi kiện thì không phải là chữ ký và chữ viết của ông. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông phải liên đới cùng bà T1 trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh.

Ông đề nghị Hội đồng xét xử cho tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết ghi tên Trần Văn D trong giấy mượn tiền lập ngày 24/7/2019 tại Phòng K (PC09) - Công an tỉnh B. Về chi phí cho việc giám định thì ông đồng ý nộp tiền tạm ứng.

\* Tại Kết luận giám định số 1093/KL-KTHS ngày 20/9/2024 của Phòng K (PC09) - Công an tỉnh B đã thể hiện: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là không phải do cùng một người ký, viết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 159, khoản 1 Điều 160, Điều 161, khoản 1 Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

*Tuyên xử:*

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trương Thùy T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C số tiền nợ của hai khoản vay là 77.349.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/ 1 năm quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C phải liên đới hoàn trả lại cho ông Trần Văn D số tiền là 4.880.000 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng chi phí giám định.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trương Thùy T1 phải chịu 3.867.000 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C phải liên đới chịu 3.605.000 đồng (Ba triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.384.000 đồng (Ba triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004302 ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Ông T và bà C còn phải liên đới nộp số tiền 221.000 đồng (Hai trăm hai mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/10/2024, ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo  
- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Về nội dung: Án sơ thẩm xử đã đúng quy định của pháp luật, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ việc:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn D và bà Trương Thùy T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C tổng số tiền nợ của 02 khoản vay là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2023 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất là 1,66%/tháng.

[2.2] Bà Trương Thùy T1 thừa nhận bà có vay của vợ chồng ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C 02 lần với tổng số tiền là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) theo đúng như đơn khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 01/10/2018, vay số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận miêng lãi suất 3%/tháng.

- Lần 2: Ngày 24/7/2019, vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận miêng lãi suất 3%/tháng.

Sau khi vay thì bà đã trả tiền lãi đầy đủ đến hết tháng 4/2023, theo mức lãi suất thỏa thuận 3%/tháng đối với từng khoản vay cho vợ chồng ông T, bà C. Việc bà vay tiền thì chồng bà ông Trần Văn D không hề hay biết. Bà sử dụng số tiền vay được vào mục đích tiêu xài cá nhân. Khi vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) vào ngày 24/7/2019 thì chỉ có một mình bà ghi giấy mượn tiền và ký tên, không có mặt chồng bà là ông Trần Văn D nên bà khẳng định chữ ký và chữ viết ghi tên Trần Văn D trong giấy mượn tiền lập ngày 24/7/2019 thì không phải là chữ ký và chữ viết của ông Trần Văn D.

Nay bà T1 đồng ý trả số tiền nợ vay 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) cho nguyên đơn ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C. Tuy nhiên, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tiền lãi đã trả, vì lãi suất hai bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định của pháp luật.

[2.3] Kết quả giám định đã xác định chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền không phải là của ông Trần Văn D, đồng thời bà T1 khai bà dùng số tiền vay để tiêu xài cá nhân. Ông D khai không biết và không sử dụng số tiền vay. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông D cùng trả nợ với bà T1 là có căn cứ.

[2.4] Về số tiền phải trả: Theo giấy vay thì các khoản vay là có lãi, lãi suất 3%/ 1 tháng. Bà T1 khai đã trả lãi đến hết tháng 4/2023. Bà Ngô Thị C thừa nhận có viết giấy ghi tiền nợ nội dung:

“Tiền 55 triệu.

Nợ lãi 1-5-2023 đến 1-3-2024

10 tháng x 1650 = 16.500.000 đồng

Tiền 70 triệu.

4 tháng x 210000 = 8.400.000 đồng

Tổng lãi: 24.900.000 đồng

Nếu trả hết tiền gốc 125 triệu thì cho tiền lãi.

- còn ra Tòa – thì – lấy – đủ.

- Trả liền tiền gốc thì

R đơn kiện”

Yêu cầu của bà C về trả lãi từ 1-5-2023 phù hợp với lời khai của bà T1 đã trả lãi đến tháng 4/2023. Như vậy có căn cứ để xác định bà T1 đã trả lãi như bà T1 đã khai. Lãi suất các bên thỏa thuận là 3%/ 1 tháng, mức lãi suất này vượt mức lãi suất 20%/ 1 năm, tức 1,66%/ 1 tháng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán

khấu trừ số lãi đã trả vượt quá vào tiền gốc theo đúng quy định, tính ra số tiền còn phải của 2 khoản nợ là 77.349.000đ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ khởi kiện nhưng không nêu ra được căn cứ khác với các căn cứ đã nêu ở cấp sơ thẩm. Do đó kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 159, khoản 1 Điều 160, Điều 161, khoản 1 Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

*Tuyên xử:*

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trương Thùy T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C số tiền nợ của hai khoản vay là 77.349.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/ 1 năm quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C phải liên đới hoàn trả lại cho ông Trần Văn D số tiền là 4.880.000 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng chi phí giám định.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trương Thùy T1 phải chịu 3.867.000 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C phải liên đới chịu 3.605.000 đồng (Ba triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.384.000 đồng (Ba triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004302 ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Ông T và bà C còn phải liên đới nộp số tiền 221.000 đồng (Hai trăm hai mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Trương Đình T và bà Ngô Thị C mỗi người phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004814 và 0004815, cùng ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, ông T, bà C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/02/2025.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thái Bình**